

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về chủ trương đầu tư Chương trình Hỗ trợ đầu tư, cải tạo,
nâng cấp hạ tầng giao thông các xã vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn
tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17
tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 262/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định chủ trương đầu tư Chương trình Hỗ trợ
đầu tư, cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông các xã vùng khó khăn và đặc biệt
khó khăn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của
Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 250/BC-UBND ngày 08 tháng 12
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số
nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ chín,
Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình Hỗ trợ đầu tư, cải tạo,
nâng cấp hạ tầng giao thông các xã vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn
tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung sau:

1. Mục tiêu đầu tư

Hỗ trợ đầu tư, cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông nông thôn của 34 xã vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, bảo đảm kết nối giao thông đồng bộ, thông suốt đáp ứng nhu cầu giao thương, phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giảm nghèo nhanh và bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Nội dung đầu tư

Các công trình giao thông được đầu tư đạt chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành và phù hợp với tiêu chí nông thôn mới:

2.1. Xây dựng, cải tạo nâng cấp khoảng 111,3 km đường xã đạt đường cấp V, theo TCVN 4054:2005 (Bnền = 6,5 m; Bmặt = 5,5 m), kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng (tại 10 xã) đạt chuẩn 100%.

2.2. Xây dựng, cải tạo nâng cấp khoảng 177,9 km đường trục thôn, liên thôn đạt đường cấp VI, theo TCVN 4054:2005 (Bnền = 6,0 m; Bmặt = 3,5 m), kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng (tại 21 xã) đạt chuẩn 80%.

2.3. Cạp mở rộng khoảng 383,7 km đường xã có mặt đường bằng bê tông xi măng rộng trung bình (Bnền = 4,0 m; Bmặt = 3,0 m) đạt cấp V miền núi theo TCVN 4054:2005 (Bnền = 6,5 m; Bmặt = 5,5 m), kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng.

2.4. Xây dựng, cải tạo nâng cấp khoảng 313,5 km/ 491,4 km đường trục thôn, liên thôn còn lại để đạt 100% cứng hóa, theo TCVN 4054:2005 đường cấp VI (Bnền = 6,0 m; Bmặt = 3,5 m), kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng đạt chuẩn 100%.

3. Tổng vốn thực hiện chương trình: 1.916,35 tỷ đồng.

Trong đó:

- Ngân sách địa phương: 1.803,79 tỷ đồng.
- Vốn, ngày công, máy móc và nguồn lực khác do Nhân dân, các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp đóng góp, ủng hộ: 112,56 tỷ đồng.

4. Chủ chương trình: Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên.

5. Địa điểm thực hiện: Gồm 34 xã, cụ thể:

- Phía Bắc gồm 31 xã: Xã Phú Thông; xã Phong Quang; xã Cẩm Giàng; xã Chợ Mới; xã Ngân Sơn; xã Cường Lợi; xã Nà Phặc; xã Na Rì; xã Bằng Thành; xã Hiệp Lực; xã Trần Phú; xã Nghiên Loan; xã Nam Cường; xã Côn Minh; xã Cao Minh; xã Quảng Bạch; xã Xuân Dương; xã Ba Bể; xã Yên Thịnh; xã Tân Kỳ; xã Phúc Lộc; xã Yên Phong; xã Thanh Mai; xã Thượng Minh; xã Nghĩa Tá; xã Yên Bình; xã Đồng Phúc; xã Vĩnh Thông; xã Bằng Vân; xã Văn Lang; xã Thượng Quan;

- Phía Nam gồm 03 xã: Xã Nghinh Tường; xã Thần Sa; xã Sảng Mộc.

6. Thời gian thực hiện chương trình: Từ năm 2026 đến năm 2030.

7. Cơ chế và giải pháp thực hiện

7.1. Cơ chế

Nhà nước và Nhân dân cùng làm: Ngân sách nhà nước (bao gồm kinh phí từ ngân sách địa phương; hỗ trợ xi măng, vật liệu, kỹ thuật); Nhân dân cam kết đóng góp ngày công, hiến đất, phá dỡ tài sản, cây cối hoa màu trên đất để giải phóng mặt bằng và các nguồn lực xã hội hóa, cụ thể như sau:

a) Đối với đường xã: Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư 100% chi phí xây dựng công trình (trừ giải phóng mặt bằng).

b) Đường trục thôn, liên thôn: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí xây dựng mặt đường và công trình thoát nước; Nhân dân đóng góp công lao động và các nguồn xã hội hóa thi công xây dựng toàn bộ phần nền đường.

c) Đối với các công trình cầu, tràn liên hiệp cống trên tuyến: Đây là các công trình có tính kỹ thuật cao, phải tính toán thủy lực, thủy văn và tính toán chịu lực của kết cấu, do đó phải có khảo sát, thiết kế, lựa chọn nhà thầu thi công phải đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của công trình. Đối với các công trình này, Nhà nước hỗ trợ đầu tư 100% chi phí xây dựng công trình (trừ chi phí giải phóng mặt bằng).

7.2. Giải pháp thực hiện

a) Nguồn vốn

- Vốn ngân sách: Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổng hợp các nguồn vốn, ngân sách địa phương phân bổ cho các xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công,...

- Nguồn xã hội hóa: Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm huy động đóng góp ngày công của Nhân dân, ủng hộ của các cá nhân, doanh nghiệp, đơn vị, tập thể.

b) Thực hiện giải phóng mặt bằng

- Địa phương và Nhân dân: Hiến đất, phá dỡ tài sản, cây trồng trên đất để giải phóng mặt bằng; phối hợp di chuyển các công trình trên tuyến. Huy động thêm các nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện các hạng mục giải phóng mặt bằng cần thiết khác.

- Đơn vị chủ quản các công trình hạ tầng kỹ thuật (Điện lực, Trung tâm nước sạch, Viễn thông, Viettel,...) đảm bảo kinh phí di chuyển các công trình hạ tầng kỹ thuật trên tuyến để giải phóng mặt bằng.

c) Nguồn vật liệu

- Vật liệu thi công nền đường (nền đất): Tận dụng điều phối theo tuyến công trình hoặc khai thác tại chỗ hai bên đường.

- Vật liệu xi măng:

+ Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến đến thôn, xóm, cộng đồng dân cư lập danh mục cụ thể từng công trình đề nghị tỉnh hỗ trợ (trong đó xây dựng kế hoạch hỗ trợ xi măng, ghi rõ số lượng và thời gian nhận xi măng) gửi Sở Xây dựng tổng hợp.

+ Sở Xây dựng căn cứ kế hoạch đầu tư xây dựng của các xã, tổng hợp, chủ trì, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ khối lượng xi măng hỗ trợ cho các xã.

+ Trên cơ sở khối lượng phân bổ xi măng cho các xã, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ số lượng xi măng, nguồn vốn đầu tư hỗ trợ xi măng theo quy định.

+ Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở khối lượng xi măng được hỗ trợ, tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung ứng theo quy định; ký hợp đồng trực tiếp với nhà máy xi măng để tiếp nhận khối lượng xi măng được phân bổ; thực hiện thanh toán theo quy định.

+ Đối với công trình sử dụng hỗ trợ xi măng theo chương trình này không được hỗ trợ xi măng của các chương trình mục tiêu quốc gia khác (nếu có).

- Về nguồn vật liệu khác (đá, cát, sỏi): Được cung cấp từ các mỏ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 50 Giấy phép khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường với tổng công suất khai thác trên 03 triệu m³/năm; 37 Giấy phép khai thác khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường với tổng công suất khai thác trên 700.000 m³/năm.

- Để tiết kiệm kinh phí, giảm giá thành xây dựng, có thể nghiên cứu đề địa phương tận dụng nguồn vật liệu cát, sỏi sẵn có trên địa bàn:

+ Đối với các mỏ đang khai thác, thực hiện xã hội hóa, các địa phương làm việc thống nhất với chủ mỏ để cung cấp vật liệu phục vụ công trình.

+ Đối với các mỏ cát, sỏi trong Quy hoạch tỉnh nhưng chưa được cấp phép khai thác hoặc tại mỏ dự kiến bổ sung vào quy hoạch: Sở Xây dựng chủ trì rà soát, đề xuất khoan định vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định làm cơ sở cấp phép khai thác (thông qua hình thức không đấu giá) phục vụ thực hiện cho các công trình đầu tư, cải tạo nâng cấp hạ tầng giao thông các xã vùng khó khăn, miền núi đảm bảo quản lý chặt chẽ, theo quy định.

8. Cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình: Ủy ban nhân dân 34 xã vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của chương trình, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./. *Ca*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Xây dựng (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND. *D*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Bình